TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST Ngày 12 - 6 - 2023 V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mạch Thị N, sinh năm 1982

ĐKHKTT: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1981

ĐKHKTT: Thôn Th, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/02/2023, bản tự khai ngày 10/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mạch Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã

L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T rượu chè, nhiều lần đánh đập chị, chị xét thấy không thể chịu đựng được nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 16/8/2007 cho đến nay. Vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, anh T lúc thì ở Sài Gòn, lúc thì ở Hà Nội còn chị ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã L. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/6/2004. Hiện nay con đã thành niên và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Nguyễn Đình T:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Đình T. Nhưng trong thời hạn quy định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 07/4/2023, bà Trương Thị S là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình T trình bày:*

Anh Nguyễn Đình T là con trai bà, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh T không ở với bà mà ở một mình tại nhà riêng của anh T. Anh T đi về thất thường, không cố định về thời gian, thường xuyên đi vắng, đến trưa và tối mới về nhà để nấu ăn nên bà đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập và đã giao ngay lại cho anh T. Về tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị N và anh T bà trình bày như sau:

Chị N và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 6 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cho rằng chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị N và anh T sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh T bà không biết quan điểm về hôn nhân giữa anh T và chị N như thế nào. Về phía bà nhận thấy anh T và chị N sống ly thân 14 năm nay, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, không thể quay về chung sống đoàn tụ. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị N có 1 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/6/2004. Hiện nay cháu đã thành niên và đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Về tài sản chung: Anh T và chị N không có tài sản chung.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/6/2003, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị N và anh T có 1 con chung Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/6/2004. Hiện nay con chung đã thành niên và đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Đình T có hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Mạch Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Mạch Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N và anh T là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Mạch Thị N và anh Nguyễn Đình T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mất mát niềm tin nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N đã bỏ về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2007 đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh T là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/6/2004 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Mạch Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 1 con chung Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/6/2004 đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Mạch Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007184 ngày 07/02/2023. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị N và anh Thị được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã L;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà